

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15/2016/QĐ-UBND

Tuy Hòa, ngày 16 tháng 5 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế quản lý, vận hành, sử dụng
Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước
trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/04/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

Căn cứ Thông tư số 23/2011/TT-BTTTT ngày 11/8/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định việc quản lý, vận hành, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 14/TTr-STTTT ngày 29/3/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 25/5/2016.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị kết nối vào Mạng số liệu chuyên dùng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Văn Trà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc****QUY CHẾ**

**Quản lý, vận hành, sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng
của các cơ quan Đảng và Nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Yên**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 15/2016/QĐ-UBND ngày 16/5/2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)*

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định về việc quản lý, vận hành, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng cho các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, vận hành, sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Địa chỉ IP (Internet Protocol - Giao thức Internet) là một địa chỉ đơn nhất mà các thiết bị điện tử dùng để nhận diện và liên lạc với nhau trên mạng máy tính bằng cách sử dụng giao thức Internet.

2. MPLS (Multi - Protocol Label Switching - chuyển mạch nhãn đa giao thức) là một phương thức được cải tiến cho việc chuyển tiếp các gói tin trong mạng bằng cách sử dụng các nhãn được gắn thêm vào trong các gói tin IP (IP packet).

3. Mạng riêng ảo (Virtual Private Network - VPN) là một mạng dành riêng để kết nối các máy tính của các công ty, tập đoàn hay các tổ chức với nhau thông qua Internet.

4. Tường lửa bảo vệ là rào chắn lập ra nhằm ngăn chặn người dùng mạng Internet truy cập các thông tin không mong muốn hoặc/và ngăn chặn người dùng từ bên ngoài truy cập các thông tin bảo mật nằm trong mạng nội bộ để bảo vệ an ninh cho máy tính cá nhân hay mạng cục bộ, tránh sự xâm nhập, tấn công từ bên ngoài.

5. Cước phí sử dụng Mạng chuyên dùng: Là cước phí mà đơn vị sử dụng thanh toán hàng tháng theo giá cước tốc độ kênh đã đăng ký.

6. Cước phí đầu nối ban đầu: Là cước phí chỉ thanh toán một lần khi đơn vị sử dụng bắt đầu kết nối với Mạng chuyên dùng.

7. Cước phí sử dụng dịch vụ khác: Là cước phí thanh toán hàng tháng đối với từng loại dịch vụ cung cấp trên Mạng chuyên dùng được quy định tại Điều 9 của Quy chế này.

Điều 4. Mục đích sử dụng Mạng chuyên dùng

1. Mạng chuyên dùng được đưa vào sử dụng với mục đích cung cấp hạ tầng mạng truyền dẫn tốc độ cao, công nghệ hiện đại để triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin nhằm chuyên, nhận, xử lý, lưu trữ thông tin phục vụ công tác lãnh đạo, điều hành của các cơ quan Đảng và Nhà nước được an toàn, bảo mật và thông suốt, liên tục.

2. Việc kết nối vào Mạng chuyên dùng nhằm thống nhất, liên thông hệ thống mạng nội bộ giữa các ngành, các cấp (trừ ngành Công an và Quân đội sẽ không liên thông với hệ thống mạng nội bộ của 02 ngành này); thúc đẩy triển khai các phương thức trao đổi hồ sơ, văn bản điện tử và dữ liệu, thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

Điều 5. Bảo mật hệ thống Mạng chuyên dùng

1. Các đơn vị, cá nhân tham gia Mạng chuyên dùng không được tiết lộ phương thức truy cập vào Mạng chuyên dùng cho tổ chức, cá nhân khác; không được tìm cách truy cập dưới bất cứ hình thức nào vào các khu vực không được phép truy cập; không được sửa đổi các thông tin trên Mạng chuyên dùng nếu chưa được trao quyền.

2. Các cơ quan, đơn vị xây dựng cơ chế bảo mật, an toàn thông tin cho hệ thống mạng nội bộ của đơn vị; bảo đảm an toàn, chống truy cập trái phép từ bên ngoài cũng như từ bên trong cơ quan vào mạng nội bộ của đơn vị và Mạng chuyên dùng.

3. Khi có sự cố liên quan đến kết nối, truy cập Mạng chuyên dùng cần nhanh chóng thông báo ngay đến Viễn thông Phú Yên để tiến hành những biện pháp khắc phục, sửa chữa trong thời gian sớm nhất.

Điều 6. Nguyên tắc quản lý, vận hành và sử dụng Mạng chuyên dùng

1. Quản lý, vận hành và sử dụng Mạng chuyên dùng phải đảm bảo khai thác hiệu quả tài nguyên mạng máy tính của các cơ quan Đảng và Nhà nước, phát huy tinh thần trách nhiệm, quyền hạn, nghĩa vụ và đảm bảo hiệu quả, nâng cao chất lượng trong việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các đơn vị sử dụng.

2. Mạng chuyên dùng được quản lý, điều hành tập trung, thống nhất; bảo đảm an toàn, bảo mật trong quá trình vận hành và sử dụng; hoạt động liên tục, thông suốt 24 giờ trong một ngày và 7 ngày trong một tuần.

3. Việc khai thác, sử dụng phải tuân thủ theo các quy định về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được Nhà nước quy định.

4. Các hành vi vi phạm gây ảnh hưởng đến an toàn của Mạng chuyên dùng và an ninh thông tin truyền tải trên Mạng chuyên dùng phải được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Cước phí sử dụng Mạng chuyên dùng

1. Cước phí sử dụng Mạng chuyên dùng được áp dụng theo Thông tư số 06/2010/TT-BTTTT ngày 11/2/2010 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành giá cước sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng và Nhà nước.

2. Cước phí đầu nối ban đầu và cước phí sử dụng dịch vụ khác được quy định tại Điều 9 của Quy chế và có thể thay đổi theo từng thời kỳ.

Chương II

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ SỬ DỤNG MẠNG CHUYÊN DÙNG

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Sở Thông tin và Truyền thông được giao nhiệm vụ quản lý Mạng chuyên dùng trên địa bàn tỉnh, có trách nhiệm theo dõi công tác vận hành, sử dụng và tham mưu, đề xuất triển khai, sử dụng các chương trình, dự án công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên Mạng chuyên dùng.

2. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn việc thực hiện các quy định Nhà nước về sử dụng Mạng chuyên dùng cho các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

3. Xây dựng kế hoạch tổ chức tập huấn, đào tạo về quản lý, vận hành, sử dụng và đảm bảo an toàn thông tin cho cán bộ phụ trách, chuyên trách công nghệ thông tin tại các đơn vị sử dụng Mạng chuyên dùng.

4. Thường xuyên theo dõi, đề xuất nâng cấp, mở rộng và phát triển Mạng chuyên dùng trên địa bàn tỉnh.

5. Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra và xử lý đối với tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về quản lý, vận hành, sử dụng và đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động của Mạng chuyên dùng.

6. Phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn cơ sở hạ tầng và an ninh thông tin đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn an ninh thông tin.

7. Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai, ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa Viễn thông Phú Yên - Trung tâm Kinh doanh – VNPT Phú Yên và các đơn vị sử dụng theo các quy định về giá cước, kết nối và chất lượng dịch vụ.

8. Trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, tổng hợp, báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông và UBND tỉnh về tình hình khai thác, sử dụng Mạng chuyên dùng trên địa bàn tỉnh.

Điều 9. Trách nhiệm của Viễn thông Phú Yên

1. Xây dựng, ban hành các quy trình liên quan đến công tác phối hợp vận hành, xử lý sự cố, ứng cứu thông tin và bảo trì, bảo dưỡng Mạng chuyên dùng.

2. Phải đảm bảo các yêu cầu về thời gian kết nối, dung lượng lưu trữ, tốc độ băng thông, chất lượng dịch vụ mạng và an toàn, an ninh thông tin theo đúng hợp đồng đã ký kết.

3. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trong công tác đảm bảo an toàn cơ sở hạ tầng, an toàn thông tin của hệ thống Mạng chuyên dùng.

4. Khi triển khai lắp đặt mới, mở rộng kết nối trên Mạng chuyên dùng phải có ý kiến đồng ý bằng văn bản của Sở Thông tin và Truyền thông.

5. Xây dựng và cung cấp thông tin các điểm đăng ký dịch vụ, hộp thư điện tử, địa chỉ, số điện thoại nóng hỗ trợ kỹ thuật, khắc phục sự cố cho Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị sử dụng.

6. Công bố về giá đối với cước phí đầu nối, cước phí sử dụng Mạng chuyên dùng và cước phí sử dụng dịch vụ khác theo các quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông và Tập đoàn Bưu chính – Viễn thông Việt Nam.

7. Thực hiện báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông định kỳ 6 tháng (trước ngày 30 tháng 6 hàng năm), một năm (trước ngày 10 tháng 12 hàng năm) và đột xuất theo yêu cầu về tình hình khai thác, sử dụng và hoạt động của Mạng chuyên dùng.

Điều 10. Trách nhiệm của đơn vị, cá nhân sử dụng Mạng chuyên dùng

Thực hiện theo quy định tại Điều 11, Điều 12 của Thông tư số 23/2011/TT-BTTTT ngày 11/8/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định việc quản lý, vận hành, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước; Điểm 2 Công văn số 3240/BTTTT-UDCNTT ngày 26/11/2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc bảo đảm an toàn mạng và thông tin trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng và tại Điều 5, Điều 6 của Quy chế này.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm hướng dẫn, thi hành

1. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức triển khai Quy chế này; định kỳ hàng năm báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện.

2. Thủ trưởng các đơn vị sử dụng Mạng chuyên dùng, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, có trách nhiệm tổ chức triển khai và kiểm tra việc chấp hành tại đơn vị theo đúng các quy định của Quy chế này.

3. Định kỳ hoặc đột xuất, Sở Thông tin và Truyền thông thành lập đoàn kiểm tra đối với các đơn vị sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng để kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý các vi phạm.

Điều 12. Điều khoản thi hành

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có những vấn đề vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung Quy chế này cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Văn Trà